TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1056/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 20/8/2019
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên

2. Bà Nguyễn Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 110/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 về việc tranh chấp: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 171/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 139/2019/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1982; trú tại: 379/48/16 đường Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Minh C, sinh năm 1981; trú tại: 379/48/16 đường Quang Trung, Phường 10, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M trình bày:

Chị và anh Nguyễn Minh C tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An vào ngày 19 tháng 7 năm 2005. Chị và anh C chung sống hạnh phúc cho đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên gia đình không hạnh phúc, anh C không quan tâm, lo lắng cho vợ con, không lo làm việc chỉ lo tụ tập nhậu với bạn bè. Chị và anh C đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả, không giải quyết được mâu thuẫn. Chị và anh C

đã sống ly thân từ đầu năm 2018 cho đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên khởi kiện yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Minh C.

Về con chung: Có 02 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/4/2005 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2008. Chị M yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung cho đến khi 02 con chung lần lượt đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Chị M nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng nhận kết hôn của chị M và anh C (Bản chính); Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của chị M, anh C (Bản sao); Giấy khai sinh của 02 trẻ Trâm A và Hoàng M (Bản sao).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho anh Nguyễn Minh C và giấy triệu tập anh C đến Tòa án để ghi nhận ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh C vắng mặt. Tòa án tiến hành tống đạt Thông báo và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh C nhưng anh C không đến Tòa án, không có văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình và cũng không có ý kiến về các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Minh C, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/4/2005 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2008, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Bị đơn anh Nguyễn Minh C vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do bị đơn vắng mặt không tham gia phiên tòa nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại

Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy, chị M và anh C đã phát sinh mâu thuẫn mà không thể giải quyết, hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết M. Cụ thể: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Minh C; Về con chung: Giao 02 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/4/2005 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2008 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh C không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên không xem xét.

Về án phí sơ thẩm thực hiện theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Toà án nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Trần Thị Tuyết M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Minh C, đây là quan hệ: "Tranh chấp ly hôn". Bị đơn cư trú tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Minh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh C.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 76, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 19 tháng 7 năm 2005, xác định hôn nhân giữa chị Trần Thị Tuyết M và anh Nguyễn Minh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Chị Trần Thị Tuyết M, Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau. Chị M trình bày giữa chị và anh C không tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống nên không có hạnh phúc gia đình, anh C không quan tâm, lo lắng cho vợ con, không lo làm việc chỉ lo tụ tập nhậu với bạn bè, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Chị M và anh C đã nhiều lần hàn gắn để giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về phía anh C, Tòa án đã triệu tập anh C tham gia các phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị M và anh C

hàn gắn đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con chung nhưng anh C vẫn không có mặt thể hiện anh C không có thiện chí giải quyết những mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng và cũng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M.

Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M.

Về người trực tiếp nuôi con: Để ổn định tinh thần và cuộc sống của 02 trẻ Trâm A và Hoàng M và 02 trẻ có nguyện vọng được sống chung với mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị M, giao cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Trâm A và Hoàng M, chị M không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị M phải chịu án phí sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Tuyết M được ly hôn với anh Nguyễn Minh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyển số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An cấp ngày 19 tháng 7 năm 2005 hết hiệu lực).

Về con chung: Chị Trần Thị Tuyết M là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên là: Nguyễn Ngọc Trâm A, sinh ngày 24/4/2005 và Nguyễn Hoàng M, sinh ngày 09/01/2008 cho đến khi 02 con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Minh C không cấp dưỡng nuôi con.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Trên cơ sở lợi ích của con, cha, mẹ, người thân thích; cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em, Hội liên hiệp phụ nữ có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết đương sự có quyền yêu cầu thay đổi cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

2. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng chị Trần Thị Tuyết M phải chịu, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0001999 ngày 22 tháng 01 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Chị M đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Tuyết M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Minh C được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND quận Gò Vấp, TP.HCM;
- Chi cục THADS Q. Gò Vấp, TP.HCM;
- UBND xã Long Hựu Đông, huyện Cần Đước, tỉnh Long An;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phan Thị Mộng Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thị Mộng Tuyền